

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17 - 12 - 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Đình Cảnh

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thu H, sinh năm 1994. Nơi đăng ký HKTT: Đội 5, thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Đội 4, thôn Đ1, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1989. Nơi đăng ký HKTT: Đội 5, thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Đội 2, thôn Đ1, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt - Đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 9 năm 2020 và bản tự khai ngày 09 tháng 10 năm 2020, chị Bùi Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Khắc L từ đầu năm 2013 được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hôn nhân theo phong tục, đến ngày 01 tháng 10 năm 2013 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K. Đầu năm 2018, anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh L đánh bạc, uống rượu bia, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nên chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày 29 tháng 6 năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Khắc N, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 và Nguyễn Khắc V, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2018. Cháu N đang do anh L trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu V đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng cháu V đến khi đủ 18 tuổi để cháu N cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Khắc L vắng mặt tại phiên tòa, theo lời trình bày và yêu cầu của chị H; Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh L nhưng anh L không đến Tòa án để trình bày lời khai; không tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Vũ Thị Ngoan là mẹ đẻ anh L để giao lại cho anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng là không thực hiện quyền, không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thu H; cho chị Bùi Thu H được ly hôn anh Nguyễn Khắc L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khắc N, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Khắc V, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H trình bày anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

#### *- Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thông tin do UBND xã N, huyện K cung cấp về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thu H và anh Nguyễn Khắc L có đăng ký kết hôn năm 2013, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L đánh bạc, uống rượu, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 29 tháng 6 năm 2018, đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị H xin ly hôn anh L; quan điểm của UBND xã N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh L. Như vậy, cần xử cho chị H

được ly hôn anh L là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khắc V, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2018 đến khi đủ 18 tuổi; để cháu Nguyễn Khắc N, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Căn cứ vào thông tin do UBND xã N cung cấp, chị H có chỗ ở, việc làm ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Căn cứ vào thông tin do UBND xã N và bà Vũ Thị Ngoan là mẹ đẻ anh L cung cấp, anh L có chỗ ở ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10.000.000 đồng, khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, cháu N được anh L nuôi dưỡng đảm bảo, đầy đủ điều kiện cho cháu sinh hoạt, học tập và chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của bà Ngoan. Do đó cần giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H trình bày anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thu H được ly hôn anh Nguyễn Khắc L.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khắc N, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Khắc V, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0008991 ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã N, huyện K, HP;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**

